TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HÒN ĐẤT** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 45/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 5 - 2021
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Cẩm Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Hồng Gái.

2. Ông Nguyễn Văn Đoạt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thành Minh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 95/2021/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 3 năm 2021 về tranh chấp về xin ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Diễm Tr, sinh năm 1991; địa chỉ: Ấp HT, xã MHS, huyện HĐ, tỉnh KG; có mặt.

2. Bị đơn: Anh Đỗ Văn S, sinh năm 1989; địa chỉ: Ấp HT, xã MHS, huyện HĐ, tỉnh KG; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/02/2021 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Diễm Tr trình bày:

Vào năm 2014, chị và chồng là anh Đỗ Văn S tìm hiểu và yêu thương sau đó được hai bên gia đình thống nhất làm lễ cưới, anh chị có đăng ký kết hôn vào ngày 24/07/2014 tại Uỷ ban nhân dân xã MHS, huyện HĐ, tỉnh KG. Anh, chị

chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2020 thì phát sinh mẫu do bất đồng quan điểm, hay cự cãi. Anh, chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Quá trình chung sống anh, chị có hai đứa con chung tên là Đỗ Hữu T sinh ngày 03/3/2013 và Đỗ Thị Ngọc D sinh ngày 31/3/2018, các con đang ở chung với chị Tr. Về tài sản, nợ: Không có.

Nay chị yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn S. Về nuôi con: Chị yêu cầu chị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cả hai đứa con chung. Tại phiên tòa, chị rút yêu cầu buộc anh S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng/ cháu.

Anh Đỗ Văn S đã được tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án nhưng vẫn không gửi văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã triệu tập anh S đến tham dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải đến lần thứ hai và triệu tập đến tham dự phiên tòa đến lần thứ hai nhưng anh S vẫn vắng mặt, không rõ lí do.

Tại bản tự khai ngày 08/4/2021 cháu Đỗ Hữu T trình bày có nguyện vọng ở với mẹ khi cha mẹ ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Diễm Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đỗ Văn S, giải quyết việc nuôi con nên quan hệ tranh chấp của vụ án là tranh chấp về "Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS).

Anh S với tư cách là bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG nên căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của BLTTDS thì vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện HĐ, tỉnh KG.

Anh S đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham dự phiên tòa những vẫn vắng mặt, không rõ lí do. Xét thấy, sự vắng mặt của anh không làm ảnh hưởng đến quyền lợi của anh và không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt anh là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của BLTTDS.

Tại phiên tòa chị Tr rút yêu cầu buộc anh S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng/ cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 144 của BLTTDS.

[2] Về nội dung:

Chị Tr và anh S kết hôn ngày 24/7/2014 và đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp Sơn, huyện HĐ, tỉnh KG nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp. Chị Tr xác định mâu thuẫn giữa anh, chị đã kéo dài đến mức trầm T đời sống chung không thể kéo dài. Anh, chị đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Anh S không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, anh, chị đã sống ly thân, chấm dứt quan hệ vợ chồng từ đầu năm 2020. Từ đó cho đến nay hai bên không quan tâm, chăm sóc, lo lắng cho nhau nên đã vi phạm nghiêm T quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Tr yêu cầu được ly hôn với anh S là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được Tòa án chấp nhận.

Về nuôi con: Anh, chị có hai đứa con chung tên là Đỗ Hữu T sinh ngày 03/3/2013 và Đỗ Thị Ngọc D sinh ngày 31/3/2018, các cháu đang ở chung với chị Tr. Xét thấy, dưới sự chăm sóc, giáo dục của chị Tr hiện nay các cháu đang sinh sống ổn định và phát triển bình thường. Quá trình giải quyết vụ án cháu T cũng có nguyện vọng được ở với mẹ. Tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: "*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con.*". Đối chiếu với quy định trên Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu về nuôi con của chị Tr là có căn cứ nên được chấp nhận. Giao cháu T và cháu D cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật. Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị Tr có việc làm và có thu nhập ổn định, đủ điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con; không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con nên Tòa án không giải quyết.

Về chia tài sản, nợ: Không có.

[3] Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 144, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/ 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho chị Nguyễn Thị Diễm Tr được ly hôn với anh Đỗ Văn S.

2. Về nuôi con:

Giao các cháu Đỗ Hữu T sinh ngày 03/3/2013 và Đỗ Thị Ngọc D sinh ngày 31/3/2018 cho chị Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành; trừ trường hợp thay đổi quyền nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh S được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai có quyền ngăn cản.

Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của chị Tr buộc anh S phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.500.000 đồng/ cháu cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Tr có quyền khởi kiện lại vụ án này theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Chị Tr phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001541 ngày 26/02/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện HĐ, tỉnh KG.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Viện kiểm sát có quyền kháng nghị bản án theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Cơ quan Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã;
- Lưu.

Lê Cẩm Tú